

## VỀ VIỆC NGHIÊN CỨU THÀNH NGỮ TRONG NGÔN BẢN

NGUYỄN THANH THỦY\*

1. Thành tựu nghiên cứu về thành ngữ tiếng Việt (TNTV) đến nay có thể nói được là rất lớn. Tuy nhiên, dễ dàng nhận thấy rằng phần lớn các công trình đều tập trung ở bình diện cấu trúc tĩnh tại, còn về mặt hoạt động hành chức trong từng loại hình ngôn bản hầu như còn trống vắng. Việc khái quát các đặc điểm của TNTV từ góc độ cấu tạo, hình thái và ngữ nghĩa trong bối cảnh tách khỏi môi trường hành chức là rất cần thiết, tuy nhiên nếu chỉ dừng lại ở đó thì chưa đủ. Bởi vì, dưới sự tương tác của ngữ cảnh, với tư cách là một cụm từ cố định có tính định danh, TNTV, do đặc điểm loại hình nên có khả năng biến đổi; mà về mặt lý thuyết là rất lớn. Điều dễ nhận thấy là trong hành chức, xét từ nhiều khía cạnh, nó sẽ bị chi phối bởi ngữ cảnh và đặc biệt là hoạt động của nó sẽ đa dạng hơn rất nhiều so với việc nhận diện và miêu tả trong bối cảnh trừu xuất ra khỏi môi trường giao tiếp.

Bài viết này, trên cơ sở quan sát trong từng ngữ cảnh cụ thể, thử phác thảo một số cách tiếp cận mà mục đích cuối cùng là nhận diện rõ hơn các đặc điểm ngôn ngữ của TNTV trong ngôn bản.

2. Về sự phân bố TNTV trong các loại hình ngôn bản, thành ngữ nói chung, TNTV nói riêng là một hệ thống bao gồm những đơn vị có tính định danh, mà về nguyên tắc dựa vào các trường ý niệm có thể phân chúng thành những tiểu hệ thống. Hơn thế nữa, dựa vào một số tiêu chí về cấu tạo hình thức, hoàn toàn có thể phân loại chúng như cách làm dựa vào từng trường ý niệm. Có điều, sự xuất hiện của các trường, các nhóm trong các loại hình ngôn bản hoàn toàn không như nhau. Thành ngữ tiếng Việt xuất hiện nhiều nhất là trong ngôn bản báo chí, văn chương và chính luận... Có thể, chúng không có chỗ đứng trong ngôn bản hành chính và khoa học. Sự phân bố/ không phân bố, phân bố nhiều/ ít có thể là những chỉ báo hữu ích không chỉ phục vụ cho hoạt động nhận thức mà thông qua các con số thống kê cụ thể, người nghiên cứu có thể thống kê được loại nào xuất hiện nhiều/ ít và mối quan hệ giữa nó với chủ đề của ngôn bản đó như thế nào tùy trường ý niệm mà thành ngữ được hàm chứa. Đó là chưa kể, nếu khảo sát với một số ngữ liệu đủ lớn, chúng ta có thể hình dung được chức năng của TNTV gắn liền với từng loại hình ngôn bản.

\* Th.S, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Tp.HCM.

3. TNTV và tiêu đề của ngôn bản, với tư cách là đơn vị gọi tên của ngôn bản, hơn thế, là một tiêu điểm thông báo trên cả ba bình diện: của toàn bộ ngôn bản, của người tạo lập ngôn bản, của người tiếp nhận ngôn bản, tiêu đề ngôn bản có khả năng xuất hiện nhiều TNTV và các đơn vị hữu quan như tục ngữ, ca dao, châm ngôn. Chủ điểm ở đây là xem xét tất cả các loại TNTV xuất hiện ở tiêu đề, sưu tập đầy đủ ngữ liệu, trên cơ sở đó miêu tả, phân loại và xem xét nó trong tổng thể các loại hình ngôn bản. Trên cơ sở này, cũng có thể phân tích hiệu quả thông báo do các TN trong tiêu đề mang lại. Hãy quan sát sự xuất hiện của các thành ngữ trong những tiêu đề văn bản sau: *Ngậm bồ hòn làm ... giám định (PL)*, *Đầu xuôi nhưng đuôi không lọt (TT)*, *Lần đầu tiên mang chuông đi đánh xứ người (VN)*

4. Về vấn đề cấu tạo TNTV trong ngôn bản, xét trên bình diện lí thuyết và cả trong quan sát thực tiễn, có thể thấy về cấu tạo của thành ngữ trong hoạt động hành chức thường xuất hiện trong 2 dạng:

4.1. Dạng nguyên thể, nói rõ hơn, nó xuất hiện dưới dạng nguyên khối, tức giữ nguyên hình thức vốn có của nó. Sau khi đã nhận diện, cần thiết phải dựa vào ngữ cảnh để phân tích chức năng ngữ dụng. Quả nhiên, với tư cách là một đối vị mang nghĩa hàm súc, thành ngữ ở đây như một thể động, có sức miêu tả rất lớn. Ít nhất, điều này hé mở cho người sử dụng ngôn ngữ những điều sau đây:

a. Thay vì phải tốn nhiều công sức, phải tìm cách diễn tả công phu thì chỉ bằng một thành ngữ tương thích với tính hàm súc của mình, nó có thể biểu đạt được những điều cần diễn tả.

b. Với tư cách là một đơn vị ngôn ngữ - văn hóa, nội dung của thành ngữ thường liên quan đến tri thức nền, mà nhiều khi, để hiểu thật đúng nó cần phải huy động các kiến thức bên ngoài ngôn bản, trong đó không thể không nhắc đến tri thức văn hóa.

c. Để phát huy tác động của thành ngữ trong các loại hình ngôn bản trong giao tiếp, không thể không tính đến tính chất sử dụng đúng nơi đúng chỗ. Trong đó, thủ pháp chuẩn bị ngữ cảnh có ý nghĩa quan yếu, nghĩa là làm thế nào thành ngữ phải hợp với mạch diễn đạt của ngôn bản. Có vậy, thành ngữ mới là những phương tiện điểm xuyên đặc địa. Tại đây, cần thiết phải nhắc đến nguy cơ, nếu có quá nhiều thành ngữ, nhất là khi nó xuất hiện không tương thích với ngữ cảnh, chặc chán người tạo lập ngôn bản đã rơi vào sự lạm dụng từ ngữ.

Từ những điều trên, có thể nói việc nghiên cứu thành ngữ trong ngôn bản nói chung, không chỉ bó hẹp trong phạm vi bản ngữ mà kết quả này có thể ngoại suy cho việc học ngoại ngữ. Bởi vì, như mọi người đều biết, đối với một ngoại ngữ, việc nhận diện được thành ngữ trong ngôn bản quả là không đơn giản. Nếu không nhận ra được, việc đối dịch sẽ chỉ dựa vào nghĩa câu chữ (literal meaning) và điều đó chắc hẳn sẽ

phá vỡ cấu trúc nghĩa của phát ngôn, của cả ngôn bản. Vì, nghĩa của thành ngữ là nghĩa biểu trưng, không phải là nghĩa đơn thuần của các thành tố của nó cộng lại một cách cơ giới. Điều này cho thấy, việc nhận diện thành ngữ trong ngôn bản có ý nghĩa như thế nào trong đối dịch.

4.2. Dạng biến thể, khác loại trước, dạng thành ngữ này có thay đổi về hình thức cấu tạo. Theo quan sát của chúng tôi, hình thức thay đổi của thành ngữ khá đa dạng và phong phú. Nếu như dạng (4.1) là một chỉnh thể nguyên dạng, ngoài ý nghĩa tích cực của nó như đã phân tích ở trên, ta có thể thấy về mặt tâm lí tiếp nhận là, chúng ta sẽ dễ dàng đoán định được nội dung mà nó thông báo. Còn dạng đang bàn ở đây, hoàn toàn ngược lại. TNTV ở dạng này có thể tạo nên những độ hăng hoặc độ bất ngờ lí thú với người nghe, người đọc. Tất nhiên điều này còn lệ thuộc vào dấu ấn cá nhân của người tạo lập ngôn bản. Về điểm này, đã có một số bài viết về việc vận dụng thành ngữ một cách độc đáo của chủ tịch Hồ Chí Minh trong một số bài chính luận của Người.

Cần thấy, việc lựa chọn thành ngữ nguyên dạng hay thay đổi hình thức cấu tạo trước hết là tùy thuộc vào ý định của người tạo lập ngôn bản. Tuy nhiên, cũng không thể không nhắc đến sự chi phối của thể loại ngôn bản. Chẳng hạn, theo quan sát của chúng tôi, tập hợp 100 đơn vị TNTV xuất hiện trong văn xuôi và với số lượng ấy trong thơ ca (bao gồm thơ và ca dao) thì thấy rằng: ở nhóm trước (văn xuôi) loại thành ngữ nguyên dạng xuất hiện nhiều hơn, trong khi đó, ở nhóm sau, tức trong ngôn bản thơ ca, loại thành ngữ có sự thay đổi về hình thức cấu tạo chiếm tỉ lệ khá cao. Điều này có thể nói, do sự chi phối bởi vần điệu, đặc biệt số lượng âm tiết trong mỗi thể loại thơ ca mà thành ngữ nguyên dạng xuất hiện ít hơn. Bởi lẽ, chính những ràng buộc về các hiện tượng ngôn điệu, mà thành ngữ, trong loại hình thơ ca sẽ biến đổi hơn. Hơn nữa, số lượng "tiếng" trong một đơn vị thơ ca, là có giới hạn và nghiêm ngặt, nên đó chính là điều kiện ít nhiều có tính bắt buộc mà thành ngữ cần biến đổi cho tương hợp. Tất nhiên để nhận định này thêm sức thuyết phục, cần phải khảo sát với một khối lượng ngữ liệu lớn hơn.

Căn cứ vào sự thay đổi hình thức cấu tạo của thành ngữ trong điển ngôn, có thể chia thành ngữ ra theo các chương mục khác nhau, bước đầu có thể thấy:

a. Biến thể - thay đổi trật tự các thành tố/ hoán vị thành tố

*Tay bùn chân lấm, cao chạy xa bay, thanh tân yếu điệu, tình cũ nghĩa xưa, xuôi tay nhắm mắt, đắc thế đắc thời, hết dạ hết lòng, cuối đất cùng trời, trả nghĩa đền ơn, con ông cháu cha...*

b. Biến thể - thay đổi thành tố

Các thành tố có thể được thay thế bằng các từ cùng trường nghĩa và những thành tố này chịu sự chế định/ tương tác với các thành tố còn lại trong tổ hợp.

*Lên xe xuống chó (ngựa), không trâu không vôi (có trâu không vôi), phụ sung phụ vãi (có vãi phụ lòng sung), cơm vợ chữ thầy, lên đèo xuống dốc, thả con săn sắt bắt con cá sộp, tâm đồng ý hợp, đồng hội đồng thuyền, thưa ông con ở bụi này, xuất khẩu thành chương...*

c. Biến thể – hoán vị và thay đổi thành tố

Ở đây là tổ hợp có hình thái cấu trúc ổn định nên khi hoán đổi vị trí đồng thời với thay đổi các thành tố trong tổ hợp thì cấu trúc/ ngữ nghĩa của thành ngữ có thể sẽ biến đổi so với bản thân thành ngữ ở dạng nguyên.

*Chính gạo chờ chuột sa, đồng tâm đồng ý, chẳng lo bò trắng lưỡi, ...*

d. Biến thể - mở rộng/ thêm thành tố

Với sự chế định về số lượng của thành tố, nếu vượt quá giới hạn, thành ngữ có thể biến đổi hình thái / ngữ nghĩa, đôi khi phải tính tế mới nhận ra:

*Dậu chưa đổ mà bìm đã leo; đã có cà cuống thì đừng hại tiêu; mua danh bu van chớ bán danh chả được đồng nào; trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng...*

e. Biến thể - lược bớt thành tố

Do sự chế định về số lượng thành tố, nếu số lượng thành tố thay đổi (giảm bớt) thành ngữ có thể bị biến đổi về mặt hình thái (so với các đơn vị kế cận trong hệ thống)/ ngữ nghĩa.

*Nước đầu vịt (nước đổ đầu vịt), (đầu xuôi đuôi lọt) ...*

5. Về nghĩa ngữ cảnh TNTV trong diễn ngôn. Nghĩa của thành ngữ trong hệ thống tình tại tách rời khỏi môi trường giao tiếp và nghĩa của nó trong môi trường hoạt động diễn ngôn có khác nhau. Ít nhất, có các trường hợp sau:

5.1. Giữ nguyên nghĩa gốc. Ví dụ: “Những câu tục ngữ, những câu vè, ca dao rất hay là những lời sáng tác của quần chúng. Các sáng tác ấy rất hay mà lại ngắn, chứ không tràn giang đại hải, dây cà ra dây muống (Hồ Chủ Tịch, Những lời kêu gọi, tr 127)”.

5.2. Có thay đổi so với nghĩa gốc. Thành ngữ trong trường hợp này thường không giữ nguyên dạng mà có sự thay đổi một vài thành tố. Sự thay đổi xảy ra có thể do tương tác ngữ cảnh.

Ví dụ về thay đổi trật tự

- “Vì vậy, nhân dân ta đã không ngừng đấu tranh để hòa bình thống nhất đất nước, giải phóng miền Nam khỏi cảnh lửa bỏng dầu sôi.” (HCT)

- “Xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như làm ruộng. Trước phải khó nhọc cày bừa, *chân bần tay lấm* làm cho lúa tốt thì mới có gạo ăn.”

Ví dụ về sự thay đổi nghĩa:

- “Bạn thống trị *giương hai mắt ếch*” (ND)

- “Cải tạo là một cuộc đổi người cũ thành người mới, một cuộc *thay da đổi óc*, một cuộc đấu tranh gay go và lâu dài.” (ND)

Qua một vài ví dụ chưa đầy đủ trên, có thể thấy, nghĩa của thành ngữ thường biến hóa ngoài nghĩa gốc. Sự biến hóa như vậy thường do dấu ấn cá nhân của chủ thể phát ngôn nhưng chắc chắn nó luôn bị chi phối bởi thể loại; Trong đó, không ít trường hợp thành ngữ xuất hiện không nguyên dạng mà chỉ với một vài thành tố. Ở những trường hợp này ta phải nghĩ đến các cấu trúc tiềm ẩn. Quả nhiên, những dạng này đã tạo nên trường liên tưởng rất rộng.

Ví dụ:

- Trước hết là cần phải tránh cái lối viết *rau muống*. Trong trường hợp này, người đọc không thể không nghĩ đến thành ngữ *dây cà ra dây muống*. Quả nhiên, nếu khảo sát đầy đủ các dạng thức này, người nghiên cứu có thể đo đếm được độ hàm súc của cách diễn đạt, cái mà giới ngữ văn thường gọi là *ý tại ngôn ngoại*.

6. Về thành ngữ tiếng Việt và ngữ pháp, ít nhất có liên quan đến các bình diện sau:

6.1. Trên bình diện cú pháp, có thể thấy TNTV được tạo lập dựa vào hai quan hệ. Đó là quan hệ liên hợp (đẳng lập) và quan hệ chính phụ. Ví dụ: thuộc nhóm trước: *nát thịt tan xương, lòng chim dạ cá, bầm gan tím ruột...* thuộc nhóm sau: *đen như cột nhà cháy, vợ đũa cả nắm, sét đánh ngang tai...*Xét về mặt lí thuyết, nhóm trước có khả năng thay đổi nhiều hơn trong diễn ngôn, ít thay đổi hoặc không thể thay đổi là nhóm sau. Tất nhiên, sự thay đổi này còn lệ thuộc vào thể loại của ngôn bản.

6.2. Tiếp theo, chúng ta có thể xem xét, thành ngữ đóng vai trò như thế nào trong tổ chức phát ngôn và sự phân bố của nó liên quan đến chủ đề ngôn bản ra sao.

a. Thành ngữ có thể làm chủ ngữ

- “*Cái quân ếch ngồi đáy giếng* đó làm sao mà hiểu được chuyện này!”, “*Thân gái dậm trường, thức khuya dậy sớm* đôi khi khiến chị nản lòng.”,

b. Thành ngữ có thể làm vị ngữ

- “*Cô ấy xấu như ma*”, “*Amaobi vẫn biệt vô âm tín*”, “*Tổng thống Musharraf bình an vô sự*”, “*Bạn đừng vạch lá tìm sâu*”, “*Thực tế đến giờ này khi giải còn 2 tuần, tài trợ cho bóng đá nữ vẫn lặng như tờ*”, “*Nếu như người phụ nữ Việt Nam*

ngày xưa phải *sớm hôm tần tảo, dãi dàu mưa nắng* trên những cánh đồng xa, *bán mặt cho đất, bán lưng cho trời* thì người phụ nữ ngày nay lại được tắm mình trong những cơn mưa hoa của nhà thiết kế Việt Hùng.”

c. Thành ngữ có thể làm bổ ngữ

- “Suốt thời gian theo dõi, tôi luôn nghĩ cách tốt nhất để cứu những người này, nhưng tôi hoạt động *đơn thương độc mã* nghĩ mãi vẫn chưa ra cách.”, “Chính những dự án nảy sinh từ xã hội hóa kiểu này đã tạo *công ăn việc làm* cho hàng loạt sinh viên mới ra trường và trong quá trình hợp tác, chúng tôi có thể tuyển lựa được những cán bộ trẻ tài năng cho bảo tàng.”, “Anh chồng chưa tìm hiểu *đầu cua tai nheo* ra sao, khăng khăng cho là vợ mình lấy cơ đi học để đi chơi, hát hò, nhậu nhẹt, rồi biết đầu sinh tật bở bịch, anh cấm không cho chị đi học nữa.”, “Ronaldo lướt *nh nhanh như gió* bên trái rồi nhồi bóng vào trong, Guti làm động tác giả và Raul tung cước.”,

d. Thành ngữ có thể làm định ngữ

- “Cách viết *dài dòng văn tự* đó không thuyết phục được người đọc.”, “Sách còn có 2 phụ lục đặc biệt về việc đo trí thông minh và 5 phương thức *cải lão hoàn đồng*”, “Cuộc chiến tranh *kẻ tám lạng, người nửa cân* này đã làm nổi bật 2 vị anh hùng...”, “Người *sa cơ thất thế* cần được bao bọc, lúc đầu có thể cảm thấy an lòng, nhưng chẳng bao lâu có thể nhận ra rằng mình đã bán mình cho một thứ tình yêu ích kỉ.”

e. Thành ngữ có thể làm trạng ngữ

- “*Một nắng hai sương*, bà con nông dân làm lưng vất vả trên đồng.”, “Bốn phương tám hướng, lì vì gắn mọi nơi trên các bức tường.”, “Để *cứu vãn tình thế*, theo Susan hubbard thì các cặp vợ chồng nên tận dụng thời gian nhàn rỗi để gần nhau.”, “Nhưng *chạy trời không khỏi nắng*, HLV trưởng lẫn ông trưởng đoàn đều bị “treo giò” 5 năm.”, “*Chạy bán sống bán chết*, không xem tính mạng người khác ra gì.”, “Sau những lời đường mật tuôn ra không ngớt, Thanh bật lon bia đổ vào ly có sẵn hột gà và sữa, mời X.”,

Như vậy, có thể thấy về nguyên tắc, thành ngữ có thể đảm nhiệm mọi chức năng ngữ pháp trong phát ngôn. Mặt khác, với tư cách là những đơn vị định danh, hơn thế mà còn là các đơn vị biểu cảm, sự xuất hiện của nó có liên quan đến sự phân bố của chủ đề trong diễn ngôn.

6.3. Cần thấy với tư cách là những đơn vị tình tại, xét về chức năng ngữ pháp hoàn toàn có thể xác định: thành ngữ - danh từ, thành ngữ - động từ, thành ngữ - tính từ. Nhưng rõ ràng hoạt động cụ thể của nó trong ngôn bản có khác nhau. Với cách hình dung này, có thể tiến hành khảo sát tỉ mỉ để thấy rõ hơn bản chất ngữ pháp của thành ngữ, mặt khác có thể ghi nhận sự chuyển dịch từ loại trong hoạt động. Ví dụ:

- “*Sự ăn ở hai lòng của cô vợ đã khiến cho gia đình anh tan nát.*” (động ngữ -> danh ngữ)

- “*Cách tính toán già trái non hột của ông đã khiến ông chuốc lấy thất bại*”...

Ngoài ra, còn có thể kể một số thành ngữ đảm nhận chức năng thán ngữ như: *lạy chúa tôi, quỷ tha ma bắt, trời đánh thánh vật...*

7. Xét về nguồn gốc, có hai loại thành ngữ: thành ngữ thuần Việt và thành ngữ vay mượn. Trong đó, thành ngữ Hán Việt có một vị trí hết sức đặc biệt trong diễn ngôn. Trước hết, cũng như từ Hán Việt, thành ngữ Hán Việt, với tính chặt chẽ về cấu trúc, hàm súc về nghĩa và trang trọng về mặt phong cách nên sự xuất hiện của chúng dưới mọi hình thức (nguyên dạng hay thay đổi) trong các loại hình diễn ngôn và các thể loại cũng cùng một loại hình diễn ngôn, không phải lúc nào cũng như nhau. Nói rõ hơn, phải là loại hình diễn ngôn như thế nào, có chủ đề như thế nào thì thành ngữ Hán Việt mới xuất hiện, còn hiển nhiên như các diễn ngôn trong sinh hoạt hàng ngày, thư tín trao đổi cá nhân, chắc chắn là chúng xuất hiện rất hiếm hoi.

Mở rộng phạm vi quan sát, có thể tìm hiểu loại thành ngữ gốc Hán:

Thành ngữ gốc Hán không có đơn vị tương đương trong tiếng Việt kiểu: *dĩ hòa vi quý, danh bất hư truyền, an cư lạc nghiệp...* Ngay trong nhóm này cũng có thể chia ra thành hai nhóm nhỏ:

- Nhóm được sử dụng phổ biến: *bất tình nhân sự, cầm kì thi họa, đồng tâm nhất trí...*

- Nhóm được sử dụng không phổ biến: *dân khốn quốc bản, nhập giang tỳ khúc, phát tiến song điểm...*

Loại thành ngữ gốc Hán có đơn vị tương đương trong tiếng Việt:

Hán Việt	Thuần Việt
Nhất thiên nhất tịch	Một sớm một chiều
Phóng hổ qui sơn	Thả hổ về rừng
Nhân diện thú tâm	Mặt người dạ thú
Điên đảo hắc bạch	Trắng đen lẫn lộn
Tửu nhập ngôn xuất	Rượu vào lời ra

Với sự hỗ trợ của máy tính, ngày nay, ta có thể đo được tần suất của các loại thành ngữ này và điều đó sẽ vẽ lên một bức tranh đầy đủ hơn về sự vận dụng của nó trong lời nói.

8. Như trên đã nói, dựa vào các trường ý niệm, có thể sưu tập và phân loại thành ngữ, thậm chí có thể thành lập từ điển ý niệm thành ngữ. Theo tìm hiểu của chúng tôi, ở Việt Nam hầu như chưa có cuốn từ điển loại này; Với các hình dạng vừa xác định, có thể phân chia thành ngữ ra:

- Thành ngữ chỉ :
  - a. Bộ phận cơ thể con người
  - b. Sức khỏe, bệnh tật
  - c. Các con vật
  - d. Xây dựng, kiến trúc
  - e. Máy móc, dụng cụ khoa học kĩ thuật
  - g. Trò chơi
  - h. Ẩm thực, thức ăn, thực phẩm
  - i. Cây cối
  - k. Thời tiết
  - l. Nguồn năng lượng (lửa nước)
  - m. Màu sắc
  - n. Di chuyển
  - o. Ứng xử
  - p. Nông nghiệp
  - q. Sông nước...

Như đã nói, chủ đề diễn ngôn sẽ chi phối hoạt động của các tầng ý niệm trong thành ngữ.

9. Gần đây ngôn ngữ học tri nhận đã ra đời. Đó là một trường phái mới của ngôn ngữ học hiện đại. Trong ngôn ngữ học tri nhận, việc nghiên cứu ngôn ngữ được đặt trong mối quan hệ với kinh nghiệm và sự cảm thụ của con người về thế giới khách quan, về sự tri giác và ý niệm hóa của con người đối với hiện thực cuộc sống. “Ngôn ngữ vừa là sản phẩm của hoạt động tri nhận vừa là công cụ của hoạt động tri nhận của con người. Cấu trúc và chức năng của ngôn ngữ có thể được coi là sự phản ánh của hoạt động tri nhận của con người. Nếu trước đây, ngôn ngữ học truyền thống quan niệm rằng ngôn ngữ mở ra cho ta cánh cửa đi vào thế giới khách quan quanh ta thì bây giờ ngôn ngữ học tri nhận cho rằng ngôn ngữ – đó là cửa sổ để đi vào thế giới tinh thần của con người, đi vào trí tuệ của nó, là phương tiện để đạt đến những bí mật của các quá trình tư duy”. Vận dụng tri thức của cách tiếp cận này, ta có thể xem xét các loại thành ngữ ẩn dụ, ẩn dụ hóa để xác định cách tri nhận của người Việt. Chẳng hạn khảo sát toàn bộ các thành ngữ nói về bò, về mèo sẽ cho ta nhiều điều lí thú.



\* Về bò: *ba bò chín trâu, biểu bò tâu ngựa, mất bò mới lo làm chuồng, tin bợn mất bò, bò ăn bò chịu, yếm bò lại buộc cổ bò, ngón như bò ngón rom, ngu như bò, đối như bò, bò đất ngựa gỗ, bò cười trâu ngựa, bụng trâu làm sao bụng bò làm vậy, mua bò vẽ bóng...*

\* Về mèo: *mèo nhỏ bắt chuột con; cá treo mèo nhện đối; mỡ để miệng mèo; như mèo thấy mỡ; có ăn nhạt mới biến thành mèo; mèo mù vớ cá rán; bắt mèo ăn gừng, giết một con mèo, cứu vạn con chuột; gửi mỡ cho mèo; làm như mèo mùa; mèo cào không xé vách vôi; mèo đang chó điếm; mèo mả gà đồng; mèo già hóa cáo; mèo già khóc chuột nhắt; mèo già lại thua gan chuột nhắt; mèo mẹ bắt chuột con; mèo khen mèo dài đuôi; quẹo ngừng như đuôi mèo già, như mèo với chó, tiu nglu như mèo cắt tai, ăn như mèo, mèo bị bỏng sợ cả nước lạnh, mèo nào chả ăn vụng mỡ; mèo thấy mỡ; mua mèo trong bị, mèo con bắt chuột cống...*

Quả nhiên, người Việt nhìn nhận các con vật, một mặt thông qua lăng kính chủ quan của mình, nhưng mặt khác, đó chẳng qua chỉ là sự ý niệm hóa cách tư duy của mình. Với cách làm này, có thể suy rộng để miêu tả các con vật khác trong thành ngữ kiểu như lợn, gà, hổ, vịt... Thậm chí, các bộ phận của loài vật, như cánh của loài chim: *vẽ hàm thêm cánh, thẳng cánh cò bay, như hàm mọc cánh, gà người gáy gà nhà cũng đập cánh, cò bay thẳng cánh, chim liền cánh cây liền cành, cá có vây...*

10. TNTV có thể được xem xét trong mối quan hệ với văn hóa. Rõ ràng các thành ngữ biểu đạt các hình tượng có liên quan đến cuộc sống nông nghiệp, cây lúa, liên quan đến các thành ngữ chỉ quan hệ gia đình, chỉ sông nước, chỉ lịch sử... là những chỉ tố văn hóa hết sức sâu sắc. Các thành ngữ như: *sẩy cha còn chú, sẩy mẹ bú dãi; anh em như thể tay chân; quyền huynh thế phụ; con gái rượu; nước chảy đá mòn; nước đổ đầu vịt; già kén kẹn hom...* chỉ có thể hiểu được nó một cách sâu sắc khi dẫn giải bằng các kiến thức văn hóa.

Để nghiên cứu TNTV trong mối quan hệ với văn hóa, một mặt, ta có thể dùng các kiến thức bên ngoài ngôn ngữ, đôi khi phải tra cứu công phu, phải vận dụng mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa theo cách hình dung của Humbolt; mặt khác, đôi khi phải so sánh đối chiếu với thành ngữ của các ngôn ngữ khác để tìm ra sự tương đồng và khác biệt. Cách tiếp cận sau, rõ ràng rất hữu ích, không chỉ để học tập tiếng mẹ đẻ mà theo chúng cũng sẽ hết sức hữu ích khi học ngoại ngữ. Để cách tiếp cận này có giá trị ứng dụng cao không thể không chú ý đến sự vận dụng của thành ngữ trong các loại hình diễn ngôn.

11. Thành ngữ, với tư cách là những đơn vị tiềm tàng trong hệ thống ngôn ngữ ngay cả khi tách khỏi ngữ cảnh giao tiếp, tự trong khả năng biểu đạt của chúng đã mang nghĩa biểu trưng. Nên, khi xuất hiện trong diễn ngôn, do chi phối bởi ngữ cảnh,

sự biểu đạt của thành ngữ hoàn toàn có thể sắp xếp trên thang độ giá trị để xem xét. Với cách hình dung này, có thể chia thành ngữ thành 3 nhóm:

Nhóm có nghĩa dương tính, nhóm có nghĩa âm tính và nhóm có nghĩa trung hòa. Cách tiếp cận này, từ lâu đã được giới phong cách học chú ý đến nhưng chưa có công trình nào miêu tả một cách toàn diện và hệ thống. Với cách minh định rõ hơn như vừa trình bày, nếu khảo sát đầy đủ các loại TNTV, chắc chắn kết quả của nó là những bổ cứu cần yếu cho việc nhận thức sâu sắc về bản chất của thành ngữ, đặc biệt trong môi trường giao tiếp.

12. Có thể nêu lên một số cách tiếp cận dựa vào ngữ liệu trong các loại hình diễn ngôn, chẳng hạn như bằng con đường lịch đại có thể xem xét một số TNTV cũ hiện nay không còn được sử dụng, một số thành ngữ mới xuất hiện trong thời gian gần đây. Điều này là có cơ sở, vì, trước khi là một đơn vị biểu cảm, thành ngữ là một đơn vị định danh và do vậy có thể bị chi phối bởi qui luật đào thải của thời gian. Hoặc có thể, xem xét việc sử dụng thành ngữ trong các tác phẩm cụ thể, của một tác giả cụ thể hoặc một giai đoạn cụ thể... để cùng với việc sử dụng các yếu tố dân gian khác, xác định tính kế thừa vốn cũ của nhà văn, của một giai đoạn...

Lại có thể xuất phát từ cách phân tích diễn ngôn, hoặc tiếp cận từ trên xuống (top-down approach) tức bắt đầu văn bản với tư cách là đơn vị lớn nhất, trong trường hợp này thành ngữ chỉ là một thành tố của phát ngôn, còn tiếp cận từ dưới lên (bottom-up approach) tức bắt đầu từ đơn vị nhỏ nhất như từ thì thành ngữ lại là một thông điệp, thậm chí có thể coi là một đơn vị ngôn ngữ-văn hóa mà sức lan tỏa của nó là rất lớn.

Tuy nhiên, với cách hình dung có phần còn sơ lược ở trên, đã phần nào hé mở một cách tiếp cận có triển vọng: nghiên cứu thành ngữ trong hoạt động diễn ngôn. Những nỗ lực biện giải của chúng tôi không gì khác ngoài những định hướng nghiên cứu mà khi thực hiện đề tài luận án buộc lòng phải suy ngẫm.

## THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Bảo (2003), *Ngữ nghĩa của từ ngữ chỉ động vật trong thành ngữ tiếng Việt* (so sánh với thành ngữ tiếng Anh), luận văn Thạc sĩ Ngữ Văn, trường ĐHSP TP.HCM.
2. Brown G – Yule G (2002), *Phân tích diễn ngôn* (Trần Thuần dịch), NXB ĐHQG Hà nội.
3. Fernando C. (1977), *Idioms and Idiomaticity*, Oxford University Press.
4. Cao Xuân Hạo (1998), *Tiếng Việt, mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, NXB GD.
5. Hoàng Văn Hành (2004), *Thành ngữ học tiếng Việt*, NXB KHXH.

6. Hồ Lê (1999), *Quy luật ngôn ngữ, quyển III: Tính qui luật của cơ chế ngôn giao*, NXB KHXH.
7. Hồ Lê (2000), *Quy luật ngôn ngữ, Quyển IV: Tính qui luật của quan hệ ngôn ngữ – liên đối tượng*, NXB KHXH.
8. Nguyễn Công Đức (1995), *Bình diện cấu trúc hình thái – ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt*, Luận án PTS.
9. Nunan D. (1977), *Dẫn nhập phân tích diễn ngôn*, NXB Giáo dục.
10. Trịnh Sâm (2001), *Đi tìm bản sắc tiếng Việt*, NXB Trẻ.
11. Nguyễn Thanh Thủy (2003), *Một số đặc điểm về ngôn ngữ và văn hóa của thành ngữ tiếng Việt (trên ngữ liệu thành ngữ trong ca dao Việt Nam)*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ Văn, trường ĐH KHXH & NV TP.HCM.
12. Nguyễn Nguyên Trứ (1988), *Dề cương bài giảng về phong cách học*, Trường ĐHTH Tp. HCM.